

Số: 18/NQ-HĐND

Lạc Đạo, ngày 22 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ LẠC ĐẠO
KHÓA XXII, KỲ HỌP THỨ NĂM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;

Căn cứ Nghị quyết số 790/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng yên về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ngày 12/12/2025 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026;

Căn cứ Kết luận số 02-KL/ĐU ngày 18/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Lạc Đạo tại hội nghị lần thứ 5 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Xét Báo cáo số 171/BC-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 07/BC-BKTNS ngày

17/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; Ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao dự toán thu chi ngân sách xã năm 2026

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 777.895,882 triệu đồng, gồm:

- a) Thu nội địa: 777.895,882 triệu đồng;
- b) Thu hoạt động xuất nhập khẩu: 0 đồng.

2. Thu ngân sách địa phương: 596.400 triệu đồng, gồm:

a) Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 366.340 triệu đồng, trong đó:

- Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%: 6.230 triệu đồng
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %: 360.110 triệu đồng

b) Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 230.060 triệu đồng

3. Dự toán chi ngân sách địa phương: 596.400 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 350.000 triệu đồng
- Chi thường xuyên 203.591 triệu đồng
- Chi dự phòng 5.544 triệu đồng
- Chi bổ sung từ ngân sách tỉnh: 37.265 triệu đồng

(Chi tiết tại các phụ biểu 15, 16, 17 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân xã giao cho Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật và Kết luận ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Lạc Đạo về thực hiện nhiệm vụ thu – chi ngân sách nhà nước năm 2025, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Kế hoạch đầu tư công năm 2026;

1. Trong đó tập trung chỉ đạo một số nội dung sau:

a) Thực hiện dự toán ngân sách xã phải đúng quy định, đẩy mạnh công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước. Thực hiện nghiêm kỷ cương tài chính, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả.

b) Chi ngân sách nhà nước theo dự toán được duyệt, tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên. Giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, hạn chế mua sắm trang thiết bị có giá trị lớn chưa cần thiết. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý, chi ngân sách nhà nước, quản lý chặt chẽ dự toán ngân sách nhà nước.

c) Dành nguồn tăng thu để chi đầu tư phát triển, hỗ trợ hộ nghèo, đối tượng chính sách, tạo nguồn cải cách tiền lương và hỗ trợ mua sắm sửa chữa để nâng cao chất lượng dịch vụ công.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Lạc Đạo khóa XXII, kỳ họp thứ Năm nhất trí thông qua ngày 22 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân xã thông qua./.

- TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Sở Tài chính;
- BTV Đảng ủy; TT HĐND; LĐ UBND xã;
- UBMTTQ VN xã; các ban, ngành, đoàn thể xã;
- Các Ban HĐND xã; các đại biểu HĐND xã;
- Các đơn vị liên quan; Công TT điện tử xã;
- Lưu: VT./.



CHỦ TỊCH

Phạm Văn Cường

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026
(Kèm Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 22/12/2025 của HĐND xã Lạc Đạo)

Đơn vị: 1.000 đồng

S	Nội dung	Dự toán tính giao năm 2026	Dự toán năm 2026
A	B	1	3
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	314.400.000	596.400.000
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	84.340.000	366.340.000
-	Thu NSDP hưởng 100%	6.230.000	6.230.000
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	78.110.000	360.110.000
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	230.060.000	230.060.000
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	192.795.000	192.795.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	37.265.000	37.265.000
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính		
IV	Thu kết dư		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	0
B	TỔNG CHI NSDP	314.400.000	596.400.000
I	Tổng chi cân đối NSDP	277.135.000	559.135.000
1	Chi đầu tư phát triển (1)	68.000.000	350.000.000
2	Chi thường xuyên	203.591.000	203.591.000
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)		
5	Dự phòng ngân sách	5.544.000	5.544.000
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
II	Chi các chương trình mục tiêu	37.265.000	37.265.000
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	37.265.000	37.265.000
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	0
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)		
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)		
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc		
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tính		
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)		

S	Nội dung	Dự toán tính giao năm 2026	Dự toán năm 2026
I	Vay để bù đắp bội chi		
II	Vay để trả nợ gốc		
F	Tồn quỹ		



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 22/12/2025 của HĐND xã Lạc Đạo)

ĐVT: 1.000đ

S		Dự toán tính giao năm 2026		Dự toán năm 2026	
T	Nội dung	Tổng thu	Thu	Tổng thu	Thu
T		NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
A	B			1	2
	TỔNG THU	363.190.000	314.400.000	777.895.882	596.400.000
I	Các khoản thu hưởng 100%	6.230.000	6.230.000	6.230.000	6.230.000
1	Thuế GTGT, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt, tiền thuê đất, tiền cho thuê mặt nước thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000
2	Lệ phí môn bài của các hộ kinh doanh cá thể				
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000
4	Tiền đền bù thiệt hại đất do cấp xã quản lý, các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc xã xử lý			0	0
5	Tiền từ bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp xã quản lý			0	0
6	Các khoản lệ phí do cơ quan, đơn vị cấp xã thực hiện thu theo quy định không kể lệ phí trước bạ	120.000	120.000	120.000	120.000
7	Thu các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ, các khoản phí thu được từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị trực thuộc cấp xã quản lý			0	0
8	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý	65.000	65.000	65.000	65.000
9	Các khoản huy động đóng góp của tổ chức, cá nhân trực tiếp cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật				
10	Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu				
11	Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật	145.000	145.000	145.000	145.000
12	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước trực tiếp cho ngân sách xã theo chế độ quy định				
13	Tiền chậm nộp từ các khoản thuế, phí, tiền sử dụng đất và các khoản thu khác có tỷ lệ phần trăm phân chia từ khoản thu cho ngân sách cấp xã hưởng 100% thì điều tiết cho ngân sách cấp xã hưởng 100%				
14	Thu kết dư ngân sách cấp xã năm trước				
15	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				

S		Dự toán tính giao năm 2026		Dự toán năm 2026	
T	Nội dung	Tổng thu	Thu	Tổng thu	Thu
T		NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
16	Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách cấp xã từ năm trước sang ngân sách cấp xã năm sau				
II	Các khoản thu theo tỉ lệ phần trăm %	126.900.000	78.110.000	541.605.882	360.110.000
1	Thuế thu nhập cá nhân	4.400.000	2.160.000	4.400.000	2.160.000
1.1	Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công và chuyển nhượng vốn, bản quyền, khác				
1.2	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng BĐS, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản	2.800.000	560.000	2.800.000	560.000
1.3	Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cá nhân	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000
2	Lệ phí trước bạ	22.500.000	7.950.000	22.500.000	7.950.000
2.1	Lệ phí trước bạ nhà đất	4.000.000	2.400.000	4.000.000	2.400.000
2.2	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	18.500.000	5.550.000	18.500.000	5.550.000
3	Tiền sử dụng đất	100.000.000	68.000.000	514.705.882	350.000.000
3.1	Tiền sử dụng đất các khu đất, khu đô thị, khu dân cư và đất cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp do tỉnh quản lý				
3.2	Tiền sử dụng đất các cơ quan, đơn vị, khu đất, khu dân cư tập trung do xã, phường quản lý	100.000.000	68.000.000	514.705.882	350.000.000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)			0	0
IV	Thu chuyển nguồn			0	0
V	Thu kết dư			0	0
VI	Thu bổ sung từ NS cấp trên	230.060.000	230.060.000	230.060.000	230.060.000
1	Bổ sung cân đối	192.795.000	192.795.000	192.795.000	192.795.000
2	Bổ sung có mục tiêu	37.265.000	37.265.000	37.265.000	37.265.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 22/12/2025 của HĐND xã Lạc Đạo)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán tính giao	Dự toán năm 2026	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	314.400.000	596.400.000	282.000.000	190
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	277.135.000	559.135.000	282.000.000	202
I	Chi đầu tư phát triển (1)	68.000.000	350.000.000	282.000.000	515
1	Chi đầu tư cho các dự án	68.000.000	350.000.000	282.000.000	515
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	68.000.000	350.000.000	282.000.000	515
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			0	
II	Chi thường xuyên	203.591.000	203.591.000	0	100
	Trong đó:				
1.	Chi quốc phòng, trật tự an toàn xã hội		908.000		
1.1	Chi quốc phòng, quân sự		818.000		
	Trong đó quỹ thường		23.419		
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		90.000		
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	113.629.000	113.629.000		
3	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2.340.000	2.340.000		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		11.925.000		
5	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình		679.000		
6	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		2.044.000		
7	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội		17.957.000		
8	Các hoạt động kinh tế		3.708.000		
8.1	Sự nghiệp giao thông		1.467.000		
8.2	Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi nội đồng, phòng chống lụt bão, thiên tai, phòng chống dịch bệnh		232.000		
8.3	Duy tu bảo dưỡng công trình phục vụ công cộng, sự nghiệp kiến thiết thị chính, tài nguyên địa chính (gồm cả khảo sát giá đất), sự nghiệp kinh tế khác		1.000.000		
8.4	Kinh phí hỗ trợ hoạt động bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị quyết số 775/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh		1.009.000		
8.5	Các hoạt động kinh tế khác				
9	Hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		32.323.000		
9.1	Quản lý nhà nước		10.316.000		
9.2	Hội đồng nhân dân		1.034.000		
9.3	Đảng		7.595.000		
9.4	MTTQ, các tổ chức chính trị -xã hội		2.654.000		
9.5	Hỗ trợ hoạt động của tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp		60.000		
9.6	Chi phụ cấp hàng tháng cho các đối tượng già yếu nghỉ việc, không chuyên trách cấp xã, thôn, TDP, người trực tiếp làm việc tại các thôn, tổ dân phố		10.664.000		
10	Chi khác		1.019.000		
11	Chi khen thưởng		1.019.000		
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				
V	Dự phòng ngân sách	5.544.000	5.544.000		100
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	37.265.000	37.265.000		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	37.265.000	37.265.000		

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	Dự toán năm 2026	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
	Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng từ nguồn ngân sách trung ương	19.090.000	19.090.000		
	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội	18.175.000	18.175.000		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		0		

